

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+CLI	7:25	9+13	0+0		0+16	0+0	
2		TD3	7:25	22	0		16	0	
3		P5+SAVR	7:25	13+8	0+0		10+11	0+0	
4		BK10+P7	7:25	3+19	0+0		0+12	0+0	
5		P4+HST	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
6		P11+SAVR	9:25	6+13	0+0		6+15	0+0	
7		P3+P4	9:25	13+9	0+0		10+10	0+0	
8		Rp1+RCDM+Cl	11:25	18+0	0+0		0+1	0+0	
9		TD3+P5	11:25	19+3	0+0		15+6	0+0	
10		AMD+TD1+SL	11:25	16+5+0	0+0+0		7+0+10	0+0+0	

TTBDSX

Đi vé trong ngày P5-3ng, TD3-7ng CH-9ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:AMD - CLI	CREW: QVIỆT - ĐNAM - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1033	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGO SY DUC	AMD	39-40	2	15			105	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG VINH	AMD	41-42	2	15			72	HLJOC	Vietnamese
3	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	45	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THÈ HIÊN	AMD	44	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	34	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ANH NGŨ	AMD	38	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGŨ BÀ THANH	AMD	37	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	35-36	2	18	6	115	65	KH-THAC	Vietnamese
9	YA LỘC	AMD	200	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU HỮU CHÍNH	AMD	31	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIÊN	AMD	33	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN LE HONG VU	AMD	43	1	7			60	TLJOC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	32	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
14	MIRSAIAPOV R. R	CLI	73	1	3			104	ПДНГ	Russian
15	LÊ THANH TUẤN	CLI						80	TTAT	Vietnamese
16	NGUYỄN THĂNG	CLI	67	1	2			71	D-HANH	Vietnamese
17	GASUKHA V.	CLI						103	D-HANH	Russian
18	NGUYỄN TẤN KHANH	CLI	66	1	2			71	D-HANH	Vietnamese
19	TRUBOCHKIN A.A	CLI	71-72	2	9			81	KH-THAC	Russian
20	ROMANOV S.V.	CLI	70	1	2			108	KH-THAC	Russian
21	TRẦN GIA KHÁNH	CLI						81	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG LAM	CLI	68-69	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	13	896	16	112	6	115	0		
2	CLI	9	770	8	28	0	0	0		Le Pham Minh Quan Nội Bộ
TOTAL		22	1.666	24	140	6	115	0		
WEIGHT KG			1.666		140		115			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:TD3	CREW: HÙNG - MTHAO - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1030	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ VĂN TOÀN	TD3	74	1	5			72	D-HANH	Vietnamese
2	LÊ HUY TÂM	TD3	79	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN LÀNH	TD3	72	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN THĂNG	TD3	70	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐĂNG QUANG	TD3	78	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÔNG VĂN THỊNH	TD3	81	1	11			87	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC HAI	TD3	69	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐƯƠNG HOANG HIỆU	TD3	76-77	2	14			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHANH DUY	TD3						74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THÈ	TD3						74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CÔNG HOÀNG	TD3	80	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HAI KIẾN	TD3						75	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	TD3	64-65	2	19			86	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ VĂN SƠN	TD3	66-67	2	19			50	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN THĂNG	TD3						65	NIPI	Vietnamese
16	TRẦN KHOA TRƯỜNG	TD3	63	1	5			77	NIPI	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN LINH	TD3	62	1	3			60	YTE	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN MẠNH	TD3						77	NHA THAU	Vietnamese
19	LÊ QUANG TIẾN	TD3	71	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	TD3	75	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM MẠNH HÙNG	TD3	73	1	8			96	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ HỮU CHUNG	TD3	68	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.548	20	127	0	0	16		
TOTAL		22	1.548	20	127	0	0	16		
WEIGHT KG			1.548		127		0			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:P5 - SAVR	CREW: TUYỀN - TTRUNG - HUY	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1027	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TRI CHUNG	P5	55	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG VIET	P5	36	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN MINH	P5	53	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HUNG	P5	38	1	3			86	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM THI HUONG	P5						65	NIPI	Vietnamese
6	TRAN VAN LINH	P5						74	NIPI	Vietnamese
7	VU DINH THU	P5	50-51	2	16			73	YTE	Vietnamese
8	DOAN ANH PHUONG	P5	49	1	3			68	PSV	Vietnamese
9	TONG XUAN SINH	P5	42	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CUONG	P5	39	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM NGOC SON	P5	52	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DINH TU	P5	37	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGOC	P5	54	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CAO TRUNG	SAVR	96-97	2	15	1	2	64	PVD LOGGI	Vietnamese
15	HO SY CUONG	SAVR	98-99	2	12			79	PVD LOGGI	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN SINH	SAVR	87	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
17	REBROV ILIA	SAVR	88-89	2	15			83	AMHGP	Russian
18	KRYLOV EVGENII	SAVR	94-95	2	13			78	AMHGP	Russian
19	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	90-91	2	15			75	AMHGP	Russian
20	PROKOFEV ARTEMII	SAVR	92-93	2	17			86	AMHGP	Russian
21	KIMAKOVSKII STANISLAV	SAVR	86	1	19			95	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	13	937	12	70	0	0	10		
2	SAVR	8	625	14	116	1	2	11		
TOTAL		21	1.562	26	186	1	2	21		
WEIGHT KG			1.562		186		2			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: BK10 - P7	CREW: LHM - HDUC - DUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1036	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG TUẤN ANH	BK10	73	1	10	5	69	88	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG PHU	BK10	72	1	9	2	40	77	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TOÀN	BK10	71	1	11	1	4	56	DUY LINH	Vietnamese
4	BUI THẾ DIỄN	P7	55	1	5	2	25	69	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P7	46	1	7			95	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HOÀI THANH	P7	61-62	2	15			61	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ HẠNH	P7	63	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ HOÀNG NAM	P7	57	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN TÂM	P7	48	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HUY MẠNH	P7	56	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN KHIÊM TRI	P7	58-59	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
12	LUƠNG VĂN THANH	P7	51-52	2	14			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7						72	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI CÔNG LAN	P7						63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TIẾN HIỆP	P7	60	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7						77	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	54	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
18	LIU NGUYỄN QUỐC HUY	P7						100	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HÙNG	P7	49-50	2	19			63	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
20	ĐÀO TUẤN CHỮ	P7						66	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN QUYÊN	P7	53	1	4			58	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TOÀN	P7	47	1	8			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	3	221	3	30	8	113	1		
2	P7	19	1.350	18	146	2	25	12		
TOTAL		22	1.571	21	176	10	138	13		
WEIGHT KG			1.571		176		138			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LƯU THANH HẢI
HOÀNG ANH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P4 - HST	CREW: QVIỆT - ĐNAM - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1034	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	MARZIEV M.M.	P4	67-68	2	20			88	KH-THAC	Russian
2	TRINH VIỆT THĂNG	P4	57	1	10	1	26	84	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NGOC TRUONG	P4	66	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOANG	P4	55	1	16			95	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU SY	P4	62	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	59-60	2	16			53	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI TIỀN THÀNH	P4	58	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÂM	P4	64	1	11	2	35	65	YTE	Vietnamese
9	HOANG NGOC TAN	P4	70-71	2	14			63	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM VAN PHUC	P4	54	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC THĂNG	P4	53	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	69	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG KHÁC DU	P4	52	1	5	2	9	68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN CỬ	P4						58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HAI	P4	65	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THẾ ANH	P4						71	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM XUÂN HAI	P4	63	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	61	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THU	HST	52	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HST	51	1	6	3	50	58	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN PHANG	HST	09	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ TRUNG HIỆU	HST	50	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	18	1.302	19	149	5	70	18		
2	HST	4	275	4	22	3	50	4		
TOTAL		22	1.577	23	171	8	120	22		
WEIGHT KG			1.577		171		120			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HANG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - SAVR	CREW: HUNG - MTHAO - THANH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1031	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN HỒNG NGỰ	P11	05	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P11	01	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN KIM	P11	06-07	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	P11	02	1	3			79	PSV	Vietnamese
5	TU DƯƠNG HUNG	P11	03	1	4			67	PSV	Vietnamese
6	DOMKIN EVGENII	SAVR	35-36	2	10			91	AMHTP	Russian
7	MUSIN ALEKSEI	SAVR	39-40	2	11			87	AMHTP	Russian
8	PHAN QUYẾT CHIẾN	SAVR	31	1	7			67	AMHTP	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG NAM	SAVR	29	1	5			68	AMHTP	Vietnamese
10	MAI VĂN SANG	SAVR	33	1	8			85	AMHTP	Vietnamese
11	TRẦN NAM SƠN	SAVR	30	1	8			69	AMHTP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUNG	SAVR	32	1	5			81	AMHTP	Vietnamese
13	VOICHENKO IGOR	SAVR	45-46	2	15			97	AMHTP	Russian
14	BOKEMBAEV MALIK	SAVR	38	1	9			75	AMHTP	Russian
15	AMINOV DINAR	SAVR	37	1	5			71	AMHTP	Russian
16	ABAKUMOV VIACHESLAV	SAVR	43-44	2	13			85	AMHTP	Russian
17	GORCHAKOV SERGEI	SAVR	34	1	12			98	AMHTP	Russian
18	STUKALOV DMITRY	SAVR	41-42	2	10			75	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	5	338	6	33	0	0	6		
2	SAVR	13	1.049	18	118	0	0	15		
TOTAL		18	1.387	24	151	0	0	21		
WEIGHT KG			1.387		151		0			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: P3 - P4	CREW: LINH - TTRUNG - HUY	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1028	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG MANH CUONG	P3	16	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
2	DINH SONG HAI	P3	12	1	11			61	YTE	Vietnamese
3	CHAU DINH TU	P3	05	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM TUAN KHAI	P3	06-07	2	14			60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN HUYEN	P3	08	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC VINH	P3	03	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NAM HAI	P3	13	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TAM THUY	P3	09	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO HUU PHUOC	P3	14-15	2	12	1	18	74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC LUONG	P3	02	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TIEN QUY	P3	11	1	6			76	PSV	Vietnamese
12	PHAM MINH TUAN	P3	04	1	8			64	PSV	Vietnamese
13	BUI DUC ANH	P3	10	1	7			72	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN HAI	P4	46	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH NAM	P4	44	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM LE DUONG	P4						82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU THANH	P4	45	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
18	LE HOANG PHUNG	P4	48	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
19	HA XUAN QUY	P4	55	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN HOANG SON	P4	47	1	17			101	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TUAN	P4	49	1	12			56	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN VAN NAM	P4	56	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	13	911	15	92	1	18	10		
2	P4	9	661	8	58	0	0	10		
TOTAL		22	1.572	23	150	1	18	20		
WEIGHT KG			1.572		150		18			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG-3	TO:RP1 - RCDM - CLI	CREW: LINH - NPHÚ - NNAM	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1029	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐỨC ANH	RP1	03,28	2	17			80	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ PHÚC HOÀNG	RP1	77	1	18			87	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	RP1	49-50	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN SƠN	RP1	71	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯƠNG VĂN LÊN	RP1	74	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN PHU NAM	RP1	07	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC MẠNH THẮNG	RP1	04-05	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	RP1	75-76	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KIM HƯƠNG	RP1	29-30	2	17			59	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP1	72-73	2	20			56	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN LẬP	RP1	06	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN KHÁNH	RP1	09-10	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
13	VUÔNG THÈ HÀ	RP1	15,67	2	19	3	46	64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TUẤN	RP1	11-12	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VĂN DUNG	RP1	70	1	11			64	XAYLAP	Vietnamese
16	NGÔ ĐỨC THUẬN	RP1	51	1	13	1	13	63	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN CUÔNG	RP1	69	1	15			54	DUY LINH	Vietnamese
18	VÔ VĂN HAI	RP1	68	1	11			75	DUY LINH	Vietnamese
19	VU NGOC TUAN	RP1	13-14	2	15			63	DUY LINH	Vietnamese
20	LE MANH DUNG	RP1	08	1	11			65	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYEN KHANH CHAN	RP1	02	1	4			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	21	1.393	31	304	4	59	2		
2	RCDM	0	0	0	0	0	0	1		
3	CLI	0	0	0	0	0	0	10		+ MR LE PHAM MINH QUAN(Q)AVE
TOTAL		21	1.393	31	304	4	59	13		
WEIGHT KG			1.393		304		59			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD3 - P5	CREW: ĐƯƠNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1032	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN LUẬN	TD3	93	1	15			65	KH-THAC	Vietnamese
2	VI KHÁC THÀNH	TD3	97	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG DUY KHUÔNG	TD3	98	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	TD3	96	1	6			128	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC TOANH	TD3	57	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	TD3	89	1	7	2	49	58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	TD3	88	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN HAO	TD3	87	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	TD3	60	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VIỆT ANH	TD3	99,700	2	16			72	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊU VĂN ĐƯỢC	TD3	97-98	2	18			56	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU PHI	TD3	600	1	8			60	XAYLAP	Vietnamese
13	TRƯƠNG QUANG HOAN	TD3	99,500	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI BĂNG	TD3	94-95	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN BĂNG	TD3	96	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	TD3	66	1	16			72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN HỒNG THANH	TD3	90	1	16			72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁC SƠN	TD3	91-92	2	19			56	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU ĐỨC	TD3	58-59	2	19			78	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC LAI	P5	50	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ VIỆT LONG	P5	51	1	10			120	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P5	52-53	2	19			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	19	1.327	25	226	2	49	15		
2	P5	3	257	4	37	0	0	6		
TOTAL		22	1.584	29	263	2	49	21		
WEIGHT KG			1.584		263		49			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BUI HOANG DUONG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:AMD - TD1	CREW: XHOÀN - N.CƯỜNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1035	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	73	1	10	1	13	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	71-72	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THẾ LONG	AMD	40-41	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	69-70	2	18			68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TẤN ANH ĐỨC	AMD	47-48	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	52	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG VIỆT	AMD	53-54	2	20			66	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VINH QUANG	AMD	39,64	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
9	VI TRẦN TẤN THUẬN	AMD	67-68	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG MINH BÁC	AMD	44-45	2	17			85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	74-75	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THAI SƠN	AMD	49-50	2	13	1	10	56	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN MINH TUNG	AMD	46	1	14			77	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LEM	AMD	62-63	2	9			68	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HẢI	AMD	55,65	2	10	1	21	73	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG PHONG	AMD	42-43	2	19			69	CODIEN	Vietnamese
17	TRƯƠNG QUYẾT THĂNG	TD1	77	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ NGỌC TỬ	TD1	76	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ANH TUẤN	TD1	74	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	TD1	75	1	14			132	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐAM	TD1	72-73	2	16			68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	16	1.134	29	223	3	44	10		
2	TD1	5	420	6	67	0	0	0		
TOTAL		21	1.554	35	290	3	44	10		
WEIGHT KG			1.554		290		44			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯỜNG